

30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thành tựu, thách thức và những bài học

NGUYỄN THẾ BÌNH

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

Bằng những nỗ lực vượt bậc, VN đã và đang từng bước hội nhập ngày càng sâu rộng, là thành viên quan trọng có trách nhiệm, của nhiều diễn đàn, tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu. Thông qua đó, chúng ta đã tận dụng tốt ngoại lực, phát huy lợi thế, trong từng bước phát triển của mình. Tuy nhiên, trong chặng đường đã qua, VN cũng gặp không ít những trở ngại, thách thức, trong đó có những vấn đề xuất phát từ bối cảnh khách quan nhưng cũng không ít những yếu tố mang tính chủ quan. Xu thế hội nhập, toàn cầu hoá kinh tế trong bối cảnh ngày nay là không thể đảo ngược, để hội nhập thành công, hội nhập “trong hạnh phúc” đòi hỏi chúng ta phải không ngừng nhận diện những thuận lợi, khó khăn trong những bước hội nhập của mình, qua đó tiếp tục có những đổi mới trong tư duy, trong hành động, không ngừng nâng cao nội lực, nhằm xác lập thế và lực mới của VN trên trường quốc tế.

Từ khoá: Việt Nam, hội nhập kinh tế, toàn cầu hoá kinh tế, kinh tế quốc tế.

1. Đặt vấn đề

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của VN trong gần nửa thế kỷ qua sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất đã và đang gặt hái được nhiều thành tựu quan trọng. Từ một quốc gia phải trải qua 30 năm chiến tranh với bao tổn thất về mọi mặt, VN đã và đang khẳng định thế và lực của mình trong cộng đồng quốc tế, là một quốc gia yêu chuộng hoà bình, tích cực, có trách nhiệm trong hợp tác phát triển. Những thành công của chúng ta trong chặng đường vừa qua, đã và đang được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Xu hướng hội nhập trong kinh

tế là một tất yếu khách quan; tuy nhiên, trong bối cảnh một thế giới ngày nay với những yêu cầu trong thế và lực mới, đòi hỏi các quốc gia trong đó có VN, cần tích cực và chủ động hơn nữa trong những hành động của mình. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra là đã đến lúc, chúng ta cần tổng kết, đánh giá những thành công, hạn chế, rút ra bài học cho mình, làm cơ sở cho những bước hội nhập thành công trong những chặng đường tiếp theo. Với quan điểm và cách tiếp cận đó, bài viết xin được điểm lại những dấu ấn, thành tựu quan trọng trong hội nhập kinh tế quốc tế của VN trong 30 năm qua cũng như tổng kết

những bài học cho tiến trình hội nhập của VN trong những chặng đường phía trước.

2. Tiến trình đổi mới tư duy và những dấu ấn trong hội nhập kinh tế quốc tế của VN

Ngay từ trong các văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước VN Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thư gửi Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc (12/1946), đã long trọng tuyên bố: “VN sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”. Đồng thời, Người khẳng định: “VN dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước

ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình; sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên Hiệp Quốc”¹. Đây được coi như là một thông điệp về hội nhập kinh tế quốc tế của VN gửi đến cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, hoàn cảnh chiến tranh, đất nước chia cắt đã không cho phép chúng ta thực hiện điều đó trong suốt một thời gian dài.

Bốn mươi năm sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất, VN đã tiến một bước dài trên con đường hội nhập và phát triển. Tranh thủ ngoại lực, phát huy lợi thế, đến nay, quy mô nền kinh tế đã tăng lên gấp nhiều lần, hệ thống cơ sở hạ tầng không ngừng phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao. Nhìn lại chặng đường đã qua, có thể chia thành 2 giai đoạn trong chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của VN.

2.1. Giai đoạn 1975 – 1985

Mười năm đầu sau ngày thống nhất (1975-1985), một mặt bị bao vây, cấm vận về kinh tế, bị cô lập về chính trị, phải đương đầu với một ‘kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt’ của các thế lực thù địch, cộng với những bất đồng, suy thoái kinh tế trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) anh em. Mặt khác do chưa tận dụng tốt xu thế quốc tế chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn và chạy đua phát triển kinh tế, nên chưa tranh thủ tốt các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế phục vụ cho khôi phục, phát

triển kinh tế. Tuy nhiên, với sự tăng cường hợp tác toàn diện với các nước XHCN và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước ngoài hệ thống XHCN, VN đã tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể góp phần xây dựng đất nước. Song song đó, là sự kiên trì đàm phán để tham gia chính thức vào các tổ chức quốc tế qua đó, tranh thủ được sự viện trợ, hợp tác quốc tế, đồng thời nâng cao vị thế của VN trên trường quốc tế. Thành công của chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của VN trong giai đoạn này có thể kể đến là: Ngày 15/9/1976, VN tiếp nhận ghế thành viên chính thức Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), ngày 21/9/1976, tiếp nhận ghế thành viên chính thức Ngân hàng Thế giới (WB), ngày 23/9/1976, gia nhập Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), cuối năm 1976, Philippines và Thái Lan là nước cuối cùng trong tổ chức ASEAN thiết lập quan hệ ngoại giao với VN, ngày 20/9/1977, tiếp nhận ghế thành viên tại Liên Hiệp Quốc, tham gia tích cực vào phong trào không liên kết, ngày 29/6/1978, VN gia nhập Hội đồng Thương mại Kinh tế (khối SEV), ngày 31/11/1978, VN ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô. Thông qua đó, giúp chúng ta ổn định chính trị - xã hội, từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định và duy trì sản xuất, tạo tiền đề cho hội nhập.

2.2. Giai đoạn 1986 – 2015

Ba mươi năm tiếp theo (1986 – 2015), kể từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) - Đại hội của đổi mới - cùng với đổi mới tư duy kinh tế (từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN),

đổi mới về tư duy về hội nhập kinh tế quốc tế từng bước được triển khai trong thực tiễn và đạt nhiều thành tựu trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới. Tại Đại hội VI, mặc dù chưa đề cập đến khái niệm “hội nhập” nhưng chúng ta đã nhận định “đóng cửa hay khép kín nền kinh tế nội địa sẽ là nguy cơ tụt hậu”. Từ đó, Đại hội chủ trương “tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật”², tham gia rộng rãi vào sự phân công hợp tác trong Hội đồng Thương mại Kinh tế, đồng thời mở rộng quan hệ với các nước trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi. Tư duy hội nhập quốc tế đã bắt đầu hình thành và không ngừng được củng cố thêm bằng chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ VII (1991) “thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế”³. Đại hội Đảng lần thứ VIII (1996), khái niệm “hội nhập” được chính thức đề cập cùng với chủ trương “xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới” hợp tác nhiều mặt song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực. Đại hội Đảng lần thứ IX (2001) đề ra chủ trương “phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững”⁴ và tháng 11/2001 Bộ Chính trị ra Nghị quyết 07-NQ/TW “Về hội

² Đảng Cộng sản VN (1986), Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VI, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

³ Đảng Cộng sản VN (1991), Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VII, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

⁴ Đảng Cộng sản VN (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

¹ Hồ Chí Minh, Thư gửi Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc tháng 12 năm 1946

nhập kinh tế quốc tế”. Đại hội khóa X tiếp tục khẳng định “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”, đồng thời “mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác”⁵, nhấn mạnh chủ động và tích cực hội nhập kinh tế, còn đối với các lĩnh vực khác chỉ mới chủ trương mở rộng hợp tác. Đến Đại hội XI (2011) khi quan hệ của nước ta với cộng đồng thế giới đã ngày càng mở rộng, Đảng ta xác định “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Chính chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế đang đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của chúng ta lên một tầm cao mới trên tất cả các lĩnh vực, đặt ra yêu cầu cao hơn về tranh thủ thời cơ chiến lược và sức mạnh thời đại cho phát triển đất nước cũng như giữ vững độc lập, tự chủ và môi trường ổn định khi hội nhập sâu và toàn diện với khu vực và thế giới.

Có thể nói, đây là giai đoạn chính sách đối ngoại nói chung và hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng của VN đạt được nhiều thành tựu. Ngày 10/11/1991, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, tháng 11/1992, Nhật nối lại viện trợ ODA cho VN. Năm 1993, khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF); Ngân hàng Thế giới (WB); Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Ngày 11/7/1995, bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, tháng 7/1995, tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN. Tháng 3/1996, tham gia Diễn đàn hợp tác Á - Âu với tư cách là thành viên sáng lập. Tháng 11/1998, gia nhập tổ chức Diễn

đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC). Năm 1999, ký thỏa thuận với Trung Quốc, khuôn khổ quan hệ “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”. Ngày 13/7/2001, ký kết hiệp định thương mại song phương VN - Hoa Kỳ, tuyên bố về quan hệ đối tác chiến lược với Nga; Năm 2002, khung khổ quan hệ đối tác tin cậy và ổn định lâu dài với Nhật; Ngày 11/1/2007, VN được kết nạp làm thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); Tháng 5/2008 thiết lập quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện VN – Trung Quốc. Từ năm 2010, là một trong các thành viên tham gia đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP). Đến nay, VN có quan hệ thương mại đầu tư với khoảng 230 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Tiến trình hội nhập quốc tế đã có những tác động to lớn, nhiều mặt đến thế và lực của VN trong phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân; tạo sức ép và điều kiện để hoàn thiện thể chế kinh tế; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Thông qua hội nhập kinh tế quốc tế, tạo cơ hội để nước ta tiếp cận những thành tựu của khoa học và công nghệ trên thế giới. Nhiều công nghệ hiện đại, dây chuyền sản xuất tiên tiến được sử dụng tạo nên bước phát triển mới trong các ngành sản xuất. Các doanh nghiệp VN có cơ hội tiếp nhận được nhiều kinh nghiệm quản lý sản xuất hiện đại thông qua các dự án liên doanh hợp tác với nước ngoài. Từng bước đưa hoạt động của

các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh. Các doanh nghiệp VN trong tiến trình hội nhập đã đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng, không ngừng vươn lên trong cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Tiến trình hội nhập cũng giúp chúng ta tạo nền thế và lực mới, qua đó giữ vững ổn định chính trị, xã hội và củng cố an ninh quốc phòng. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng đánh giá: “Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao”.

2.3. Những hạn chế, thách thức

Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế cũng giúp chúng ta nhận ra những hạn chế và những thách thức phải đối mặt.

Về chủ trương, cơ chế, chính sách: Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn, chúng ta còn lúng túng, bị động, chưa xây dựng được quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau với các nước. Chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có giai đoạn, có khâu còn chưa được triển khai đồng bộ, đầy đủ. Cơ chế, chính sách còn chậm đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế. Trong một số trường hợp, hội nhập kinh tế quốc tế còn mang tính bị động, bị lôi cuốn theo tình thế và yêu cầu chính trị, chưa có nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn trong khi mức độ sẵn sàng và sự chuẩn bị của nền kinh tế nước ta chưa cao. Chưa có chiến lược rõ ràng, chủ động khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA), chưa chuẩn bị tốt các điều kiện cơ bản trong nước và chưa có được nỗ lực chung của toàn xã hội để

⁵ Đảng Cộng sản VN (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ X, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

tận dụng tối đa các cơ hội mà tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đem lại nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững. Các lợi ích quốc gia thu được từ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ gây khó khăn trong việc thực hiện cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế. Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết. Các hạn chế này đã tác động bất lợi tới phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua và có thể gây tác động bất lợi lâu dài tới nền kinh tế.

Đối với hệ thống doanh nghiệp: Các doanh nghiệp nước ta hầu hết quy mô nhỏ, yếu kém cả về quản lý và công nghệ, trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp; trình độ thiết bị lạc hậu; kết cấu hạ tầng yếu kém. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực nói chung và đội ngũ cán bộ đối ngoại về căn bản chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng và chất lượng. Nhận thức về luật pháp quốc tế, về kỹ thuật kinh doanh trong ngũ quản lý doanh nghiệp còn hạn chế.

Ngoài ra, hội nhập kinh tế quốc tế càng sâu rộng thì những tác động tiêu cực từ các diễn biến bên ngoài sẽ gia tăng. Những bất ổn không chỉ về kinh tế mà cả về an ninh, chính trị, xã hội từ bên ngoài sẽ nhanh chóng tác động tới nước ta; các loại tội phạm xuyên biên giới và các thách thức an ninh phi truyền thống khác có thể gây tác hại đến mọi mặt của an ninh quốc gia từ an ninh kinh

tế đến an ninh chính trị xã hội.

3. Bối cảnh quốc tế và khu vực và những bài học rút ra từ quá trình 30 năm hội nhập của VN

3.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Mặc dù hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cục diện thế giới, khu vực trong những năm tới sẽ có nhiều chuyển biến nhanh và khó lường. Điều này sẽ mở ra những cơ hội phát triển nhanh nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ, thách thức lớn, bao gồm: Toàn cầu hóa và quốc tế hóa sẽ tiếp tục tiến triển nhưng cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm sẽ ngày càng rõ nét và sẽ có những điều chỉnh theo các tâm trục và lĩnh vực khác nhau, chủ nghĩa khu vực sẽ tăng lên. Các nước lớn vừa hợp tác, vừa kiềm chế lẫn nhau, cạnh tranh gay gắt hơn. Cuộc khủng hoảng toàn cầu chưa có dấu hiệu chấm dứt hoàn toàn khiến các nước sẽ tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững, thúc đẩy xuất khẩu, tạo thêm nhiều việc làm. Sự trì trệ của hệ thống thương mại đa phương sẽ dẫn tới xu thế gia tăng các thỏa thuận thương mại tự do song phương và khu vực. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực động lực cho tăng trưởng thương mại toàn cầu thời kỳ tới do các nước như Mỹ, EU, Nhật, Ấn Độ và cả Nga sẽ tiếp tục thúc đẩy thương mại với khu vực châu Á - Thái Bình Dương thông qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Các nước ASEAN đang nỗ lực thúc đẩy liên kết nối khối để xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, bên cạnh đó ASEAN cũng đang nỗ lực khẳng định vai trò trung tâm trong tiến trình hội nhập khu vực Đông Á. Cục diện thương mại tự do (FTA) mới tại

khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang được hình thành với các tác nhân chính là TPP - FTA Đông Á - FTA Đông Á mở rộng (RCEP), v.v. phản ánh động thái và mức độ tranh giành ảnh hưởng, tranh giành thị trường của các nước lớn tại khu vực này sẽ ngày càng quyết liệt trong giai đoạn tới.

3.2 Những bài học rút ra

Chủ động, tích cực trong hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những vấn đề trọng tâm trong chiến lược phát triển của VN trong những năm tới. Nhìn lại chặng đường 30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của VN, có thể tổng kết các bài học sau:

Thứ nhất, những thành tựu đạt được trong hội nhập kinh tế quốc tế thời gian qua là nhờ chủ trương hội nhập quốc tế đúng đắn, kịp thời, xuất phát từ yêu cầu bên trong của đất nước, phù hợp với sự chuẩn bị và mức độ sẵn sàng của nền kinh tế và các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, là sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, của các cấp, các ngành và của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Thứ hai, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần có sự thống nhất về quan điểm, nhận thức và hành động, nhất là cần xây dựng các căn cứ khoa học và thực tiễn để phục vụ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Cần xây dựng tầm nhìn dài hạn về các mục tiêu kinh tế, chính trị, ngoại giao trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Có như vậy mới đảm bảo quá trình hội nhập chủ động, thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh trong quan hệ kinh tế quốc tế và khu vực.

(Tiếp theo trang 57)